

QUAN HỆ CỦA VIỆT NAM VỚI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 1949-1954

Phạm Quốc Sử

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Trong lịch sử Việt Nam, mối quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc bao giờ cũng là mối quan hệ quốc tế lớn và quan trọng hàng đầu. Quan hệ Việt – Trung giai đoạn 1949-1954 được coi là khởi đầu cho mối quan hệ giữa hai nước thời kỳ hiện đại. Đó là giai đoạn mà cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam bước vào thời kỳ bước ngoặt, giành thắng lợi liên tiếp, đi kết thúc tham vọng xâm lược và đô hộ trở lại của Pháp. Đây cũng là giai đoạn Nước CHND Trung Hoa ra đời và vươn lên mạnh mẽ. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ từ Trung Quốc. Tuy không phải là “yếu tố quyết định” song viện trợ và giúp đỡ của Trung Quốc đã làm gia tăng sức mạnh nội lực của Việt Nam trong cuộc đối đầu với thực dân Pháp.

Từ khóa: Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Quan hệ Việt-Trung, Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông, Cố vấn Trung Quốc, Viện trợ quân sự Trung Quốc Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương.

Nhận bài ngày 3.5.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 25.5.2021

Liên hệ tác giả: Phạm Quốc Sử; Email: pqsu@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Trong lịch sử Việt Nam, mối quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc bao giờ cũng là mối quan hệ quốc tế lớn nhất và quan trọng nhất, bao gồm cả bang giao nhà nước và giao lưu kinh tế, văn hóa tự nhiên giữa nhân dân hai nước. Lý do để khẳng định vấn đề này không chỉ bởi Trung Quốc là nước lớn trong khu vực, có khả năng chi phối mạnh mẽ đối với các nước xung quanh, mà còn bởi Trung Quốc là nước láng giềng phương Bắc của Việt Nam. Yếu tố địa lý chi phối các yếu tố khác, dẫn đến hình thành các quan hệ: Địa - văn hóa, địa - chính trị, địa - kinh tế, địa - quân sự, địa-lịch sử. Việt Nam – Trung Quốc “núi liền núi, sông liền sông”, bởi thế trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam vừa có thể đạt nhiều lợi ích, vừa đối mặt với nhiều thách thức. Có thể nói trong toàn bộ lịch sử, vận mệnh của Việt Nam luôn bị chi phối lớn bởi Trung Quốc. Cũng bởi thế, mặc dù “núi sông bờ cõi đã chia/ phong tục Bắc Nam cũng khác”¹ song Việt Nam và Trung Quốc luôn có cùng một ý thức hệ và cùng hệ thống chính trị phong kiến Nho giáo, đó là sự thật lịch sử. Kể từ khi lật đổ ách đô

¹ Nguyễn Trãi, Cáo Bình Ngô.

hộ Hán tộc vào cuối thế kỷ X, dân tộc Việt Nam đã đánh thắng mọi cuộc xâm lược của Trung Quốc. Cho đến cuối thế kỷ XIX, Việt Nam chính thức thoát ly Trung Quốc trên hầu hết mọi phương diện, nhưng lại rơi vào thảm họa bị Thực dân Pháp đô hộ. Nhưng ngay cả khi đã lật đổ được ách thống trị của thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, nắm được vận mệnh của chính mình thì Việt Nam vẫn chịu tác động bởi Trung Quốc, đó là do hai nước đều theo chung một ý thức hệ: Chủ nghĩa Mác-Lênin và cùng đi theo mô hình Chủ nghĩa Xã hội. Mặc dù ý thức hệ Xã hội chủ nghĩa (XHCN) truyền vào Việt Nam không phải từ Trung Quốc, mà từ châu Âu và nước Nga, nhưng mảnh đất Trung Quốc ở vùng giáp ranh biên giới hai nước đã là chỗ đứng chân quan trọng của phong trào Cộng sản Việt Nam. Với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản (ĐCS) Trung Quốc, phong trào cách mạng Vô sản Việt Nam có được chỗ dựa vững chắc ngay từ trước khi giành chính quyền vào tháng Tám năm 1945.

Như một định mệnh của lịch sử, Việt Nam và Trung Quốc từ năm 1949 đến nay lại đi cùng một con đường, một lý tưởng XHCN, mặc dù mỗi nước vẫn có một cách đi riêng. Tháng 10 năm 1949, Nước Cộng hòa Nhân dân (CHND) Trung Hoa được thành lập. Ra đời sau Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ĐCCH-9/1945), nhưng với vị thế một nước lớn, Trung Quốc vẫn là nước XHCN có vai trò quan trọng được thừa nhận trong phong trào Cộng sản quốc tế. Mối quan hệ Việt Nam – Trung Quốc do vậy, luôn luôn là giềng mối quan trọng và đặc biệt đối với cả hai nước, đáng được tập trung nghiên cứu như một vấn đề lớn của lịch sử. Ngay cả khi quan hệ giữa hai nước XHCN Việt Nam – Trung Quốc được xem như “đồng sàng dị mộng”, căng thẳng đến mức Trung Quốc gây chiến xâm lược Việt Nam (1979) thì đó càng là đề tài lịch sử cần phải nghiên cứu. Tuy nhiên, do giới hạn của một bài báo khoa học, chúng tôi buộc phải giới hạn nội dung bài viết ở khuôn khổ: “Quan hệ Việt Nam – Trung Quốc giai đoạn 1949-1954”, giai đoạn được coi là khởi đầu tốt đẹp nhất cho mối quan hệ giữa hai nước thời kỳ hiện đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 1953

Ngày 1/10/1949, Nước CHND Trung Hoa tuyên bố thành lập. Trong khi đó, Mỹ cũng can thiệp ngày càng sâu hơn vào Đông Dương. Hội nghị ngoại trưởng ba nước Mỹ - Anh - Pháp tại Pari (11/1949) nhận định về mối quan hệ giữa Cộng sản Việt Nam với "các quốc gia Cộng sản" và đề phòng quân đội Trung Quốc tràn sang. Trong tình hình đó, Mỹ có thể sẽ gửi thẳng vũ khí sang Đông Dương nếu Pháp bị Cộng sản Trung Quốc tấn công. Đó chính là tình huống khiến cho hai nước Việt Nam-Trung Quốc ngay từ buổi đầu của nền cộng hòa vô sản đã phải đoàn kết gắn bó, để chống lại kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Ngày 2/1/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc, hội đàm với lãnh đạo ĐCS Trung Quốc, đề nghị Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam chống thực dân Pháp. Ngày 15/1/1950, Việt Nam "công nhận Chính phủ nhân dân Trung Quốc do Chủ tịch Mao Trạch Đông lãnh đạo và quyết định kiến lập quan hệ ngoại giao chính thức và trao đổi đại sứ với Chính phủ

nhân dân Trung Quốc"¹. Ngày 18/1/1950, CHND Trung Hoa tuyên bố công nhận Việt Nam DCCH. Như vậy, Việt Nam là một trong những nước công nhận nước CHND Trung Hoa sớm nhất, còn Trung Quốc cũng trở thành nước đầu tiên thừa nhận tính hợp pháp của Nước Việt Nam DCCH. Xã luận báo *Sự thật* (cơ quan ngôn luận của Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác) ngày 21-1-1950 khẳng định: “*Cửa ngõ phía Bắc đã mở rộng. Từ nay, về mặt ấy, ở sát cạnh ta, không phải là một bọn đồng lõa của thực dân Pháp phản động nữa, mà là nước CHND Trung Hoa, một nước sau Liên Xô, đã đưa lại cho Hoà bình và Dân chủ thế giới thắng lợi lớn nhất từ đầu thế kỷ XX đến nay...*”.

Ngày 3/2/1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Liên Xô. Tại Matxcova, Hồ Chí Minh đã có cuộc gặp nhà lãnh đạo cao nhất của Liên Xô là I.V.Stalin và của Trung Quốc là Mao Trạch Đông. Thông qua cuộc gặp gỡ này, Liên Xô, Trung Quốc khẳng định sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam “tất cả những gì có thể”. Từ năm 1950 trở đi, Việt Nam bắt đầu nhận được sự hỗ trợ của Trung Quốc không chỉ về chính trị, tinh thần, mà cả về vật chất và đặc biệt là sự tham dự trực tiếp của các cố vấn quân sự trong các chiến dịch.

Về viện trợ lực lượng vật chất: Theo hai nhà nghiên cứu Jung Chang và Jon Halliday, tại Moscow, bàn về vấn đề viện trợ cho Việt Nam với Mao Trạch Đông, I.V.Stalin khẳng định: “Viện trợ và ủng hộ cuộc đấu tranh của dân tộc Việt Nam thuộc trách nhiệm, nghĩa vụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc”², bởi vì “Trung Quốc và Việt Nam có nhiều mối liên hệ trong quá khứ cũng như hiện tại”. I.V.Stalin nói thêm: “Chúng tôi đã đánh xong đại chiến thế giới, còn rất nhiều vũ khí dùng chưa hết, chúng tôi có thể chở sang Trung Quốc, các đồng chí giữ lấy, trong đó có những thứ phù hợp với chiến tranh Việt Nam, các đồng chí cũng có thể chở một số sang Việt Nam”³; đồng thời hứa rằng, những gì Trung Quốc chuyển cho Việt Nam sẽ được Liên Xô hoàn trả.

Nhà nghiên cứu Lý Kiện cho biết: Sau khi thỏa thuận với I.V.Stalin về phân công trách nhiệm ủng hộ Việt Nam chống Pháp, trở về Trung Quốc, Mao Trạch Đông nhanh chóng triệu tập Quân ủy Trung ương bàn về viện trợ Việt Nam. Trong buổi làm việc với Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông tuyên bố: “Việt Nam cần trang bị 10 đại đoàn để đánh thắng thực dân Pháp, trước mắt hãy trang bị cho 6 đại đoàn có mặt ở miền Bắc. Việt Nam có thể đưa ngay một số đơn vị sang nhận vũ khí trên đất Trung Quốc. Tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam”⁴.

Theo thỏa thuận trên, tháng 4-1950, ba trung đoàn của Việt Nam (đại đoàn 308, 209, 174) sang Mông Tự (Vân Nam) và Hoa Đông (Quảng Tây) nhận vũ khí và được Trung Quốc

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 11, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trang 14.

² Jung Chang and Jon Halliday, Mao: The Unknown Story, (New York, NY: Alfred A. Knopf, 2005), p. 482. Dẫn theo Hồ Khang, Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam về quân sự trong những năm 1950-1954. Kỷ yếu Hội thảo kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (1954-2014).

³ Lý Kiện (biên soạn), Trung – Xô – Mỹ cuộc đối đầu lịch sử, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 2008, tr.527.

⁴ Lý Kiện (Chủ biên), tldđ, tr.527.

huấn luyện quân sự. Trung Quốc cũng chủ động chở vũ khí sang Cao Bằng trang bị tiếp cho hai trung đoàn khác của Việt Nam đang phải đối phó với quân Pháp trên chiến trường¹.

Về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam năm 1950, nhà nghiên cứu Francois Joyaux cho biết: Hiệp định đầu tiên về viện trợ quân sự giữa Việt Nam và Trung Quốc được ký tại Bắc Kinh (1950). Theo Hiệp định này, Bắc Kinh sẽ giao 150.000 súng trường tịch thu được của Nhật và 10.000 súng cạcbin Mỹ cùng với đạn dược tương ứng. Việt Minh bắt đầu nhận được số vũ khí này kể từ mùa Xuân (1950-TG)². Theo một nguồn khác, nhà nghiên cứu Quang Zhai công bố: Từ tháng 4 đến tháng 9/1950, Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam 14.000 súng trường và súng lục, 1700 súng máy và tiểu liên, 150 súng cối, 60 khẩu pháo, 300 bazooka cùng đạn dược³.

Theo thống kê của Việt Nam, đến hết năm 1950, Việt Nam đã tiếp nhận của Trung Quốc 3.983 tấn hàng viện trợ, trong đó có 1.020 tấn súng đạn, 161 tấn quân trang, 20 tấn thuốc và dụng cụ quân y, 71 tấn hàng quân giới, 30 xe vận tải Môlôtova, 2.634 tấn gạo⁴. Số hàng nói trên chiếm 18,5% tổng số vật chất quân đội Việt Nam sử dụng trong năm 1950. Cũng cần nói thêm, Trung Quốc lúc này còn nhiều khó khăn, quân đội Trung Quốc cũng còn thiếu trang bị, nên không thể viện trợ cho Việt Nam một số vũ khí mà bộ đội Việt Nam rất cần (súng chống tăng và súng phòng không). Mặc dù vậy, viện trợ quân sự của Trung Quốc lúc đó đã làm gia tăng đáng kể sức mạnh chiến đấu của một số đơn vị chủ lực Quân đội nhân dân Việt Nam. Bình luận về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam, A.Patti tác giả sách “Why Vietnam?” nhận định: “Đến năm 1950, Mao đã ở trong thế có thể giúp đỡ ông Hồ qua đường biên giới phía Bắc Việt Nam. Ông Hồ không còn bị cô lập như trước, ông đã có rất nhiều đồng minh, trước hết là Trung Quốc và sau đó là Liên Xô, một sân bóng mới đã bắt đầu”⁵. Về viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam các năm sau, nhà nghiên cứu Micheal Clodfelter công bố: “Nếu như năm 1951, mỗi tháng Việt Nam nhận được từ Trung Quốc khoảng 10-20 tấn hàng/tháng, thì năm 1952, số lượng viện trợ tăng lên 250 tấn/tháng, tiếp tục tăng lên 600 tấn/tháng vào năm 1953 và 1.500 đến 4.000 tấn/tháng trong năm cuối của cuộc chiến (năm 1954)”⁶. Theo thống kê của phía Trung Quốc, trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Pháp, Trung Quốc đã viện trợ cho Việt Nam “155.000 khẩu súng các loại, 57.850 viên đạn, 3.692 khẩu pháo, hơn 1.080.000 quả đạn pháo, hơn 840.000 quả lựu đạn, 1.231 ô tô, hơn 1.400.000 bộ quân phục, 14.000 tấn lương thực, thực phẩm phụ, hơn 26.000

¹ Đại tướng Võ Nguyên Giáp-Tổng tập hồi ký, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr.624.

² Francois Joyaux: Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1981, tr. 82-83.

³ Quang Zhai, China and the Vietnam Wars, 1950-1975 (Chapel Hill, Univ. of North Carolina Press, 2000). Dẫn theo Hồ Khang, tldd.

⁴ Hồ sơ viện trợ quốc tế, lưu trữ tại Tổng cục hậu cần, cặp số 20,21. Dẫn theo Hồ Khang, tldd.

⁵ Archimedes Patti: Tại sao Việt Nam? Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr. 397.

⁶ Micheal Clodfelter, Vietnam in Military Statistics, A History of the Indochina Wars, 1772-1991, (Jefferson, NC: McFarland & Co, Inc., 1995), p.12. Dẫn theo Hồ Khang, tldd.

tấn dầu và một lượng lớn thuốc men, vật tư quân dụng khác”¹.

Còn theo thống kê của Việt Nam, từ năm 1950 đến năm 1954, Việt Nam nhận được 3,983 tấn, năm 1951 là 6.086 tấn, năm 1952 là 2.156 tấn, năm 1953 là 4.400 tấn, năm 1954 (từ tháng 1 đến tháng 6) là 4.892 tấn. Về chủng loại bao gồm: 4.253 tấn vũ khí đạn dược, 73 tấn hàng quân giới, 5.069 tấn hàng vận tải, 9.590 tấn gạo, 1.505 tấn hàng quân trang, 157 tấn hàng quân y, 200 tấn hàng thông tin, 40 tấn hàng công binh. Một số loại trang bị chính: 715 xe ô tô vận tải; 24 khẩu pháo 105 mm với 1.100 viên đạn; 48 khẩu sơn pháo 75 mm với 32.484 viên đạn; 76 khẩu cao xạ 37 mm với 51.620 viên đạn. Trong số vũ khí trang bị kể trên, ngoài ô tô vận tải, pháo cao xạ, hỏa tiễn 6 nòng, tiểu liên K50 là của Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu, còn các loại vũ khí bộ binh, pháo 105 mm, 75 mm, lương thực là do Trung Quốc viện trợ.²

Về công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ quân sự cho Việt Nam, tính đến tháng 6- 1950, có 3.100 cán bộ Việt Nam được cử sang Trung Quốc học tập, bổ túc trung và sơ cấp, chỉ huy bộ binh sơ cấp, pháo binh, công binh³. Để thuận tiện, năm 1951, Chính phủ Trung Quốc mở hai cơ sở đào tạo cho Việt Nam trên đất Trung Quốc, giáp giới Việt Nam - đó là khu học xá ở Nam Ninh và trường thiếu sinh quân ở Lư Sơn. Từ tháng 7-1952 đến tháng 1-1953, Trung Quốc đảm nhiệm đào tạo cán bộ, nhân viên kỹ thuật, huấn luyện bộ đội cho Trung đoàn 45-trung đoàn pháo binh hạng nặng đầu tiên của quân đội Việt Nam và Trung đoàn pháo cao xạ 367. Ngoài ra, còn có hai tiểu đoàn công binh và trường sĩ quan lục quân sang học tập, huấn luyện tại Trung Quốc.

Về việc Trung Quốc cử cố vấn quân sự đến Việt Nam: Tư liệu lịch sử cho biết tháng 3-1950, trên đường từ Liên Xô về nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dừng chân tại Bắc Kinh và hội đàm với Thủ tướng Chu Ân Lai. Hồ Chí Minh đề nghị Trung Quốc cử cố vấn hỗ trợ Việt Nam. Trung Quốc đồng ý cử cố vấn sang giúp Việt Nam tác chiến và công tác. Các cố vấn được lựa chọn trên tinh thần “cần bao nhiêu cấp bấy nhiêu” và phải đạt các tiêu chí nghiêm ngặt trong tuyển chọn. Bốn lãnh đạo Đoàn cố vấn gồm La Quý Ba (Trưởng đoàn cố vấn), Vi Quốc Thanh (Trưởng đoàn cố vấn về quân sự), Mai Gia Sinh (cố vấn về công tác tham mưu), Mã Tây Phu (cố vấn về công tác hậu cần) được Trung ương ĐCS Trung Quốc lựa chọn⁴. Theo Xiaobing Li, Đoàn cố vấn có tổng số là 281 người, gồm những cán bộ có nhiều kinh nghiệm công tác tài chính, kinh tế, dân vận và chỉ huy chiến đấu⁵. Tháng 7-1950, Đoàn cố

¹ Dẫn theo Nguyễn Phương Hoa: Viện trợ của Trung Quốc đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 5 (84)-2008, tr.46.

² Nguồn: Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học, Nxb CTQG, Hà Nội, 1996, tr.459.

³ Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, t.1, tr.451.

⁴ Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), Sđd, t.4, tr.56.

⁵ Xiaobing Li: A History of the Modern Chinese Army, (Lexington, KY: The University Press of Kentucky,

vấn quân sự (gồm 79 người và một số trợ lý) chính thức được thành lập tại Nam Ninh, được chia thành các tổ cố vấn quân sự, chính trị và hậu cần. Ngày 9-8-1950, Đoàn cố vấn quân sự từ Nam Ninh lên đường sang Việt Nam, lấy tên là Đoàn công tác Hoa Nam¹. Trong những năm 1950-1954, các cố vấn quân sự Trung Quốc công tác bên cạnh Bộ Tổng tư lệnh QĐND Việt Nam, đóng góp nhiều ý kiến quý báu đối với hoạt động của bộ đội chủ lực Việt Nam trên chiến trường Bắc Bộ. Theo nhà nghiên cứu Hồ Khang (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam), trong tổng số 50 chiến dịch lớn nhỏ, Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tham gia 7 chiến dịch², trực tiếp giúp đỡ một số đơn vị chủ lực Việt Nam tác chiến. “Hầu hết các chiến dịch đều giành thắng lợi, có chiến dịch thắng lợi vượt mức kế hoạch đề ra như chiến dịch Biên giới, nhưng cũng có chiến dịch không đạt yêu cầu chiến lược như ba chiến dịch đầu năm 1951”³. Sở dĩ có một số chiến dịch không đạt yêu cầu chiến lược, một phần bởi chiến thuật của cố vấn Trung Quốc không phù hợp với quy mô, trang bị của quân đội Việt Nam vốn nhỏ hơn nhiều so với quân đội Trung Quốc. Đến chiến dịch Hòa Bình (1952), các cố vấn Trung Quốc không tham gia, mà tập trung ở vùng Ba Bể, Bắc Cạn, để chỉnh huấn chính trị. Từ đó về sau, vai trò của cố vấn Trung Quốc dừng ở mức tham khảo ý kiến. Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Việt Nam thắng lợi, Đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc được lệnh của Trung ương ĐCS Trung Quốc giải thể, chia thành ba đợt rút về nước.

Về quan hệ thương mại: Trong thời kỳ Việt Nam kháng chiến chống Pháp, hai nước Việt Nam - Trung Quốc đã ký kết hàng loạt hiệp định kinh tế - thương mại: Hiệp định thương mại (4-1951); Hiệp định về mậu dịch, Hiệp định về tiền tệ, Hợp đồng xuất khẩu (5-1951); công bố “Bị vong lục mậu dịch” (4-1952); Hiệp định trao đổi hàng hóa (5-1952)... Những hiệp định và thỏa thuận trên đặt cơ sở pháp lý cho việc trao đổi thương mại song phương giữa hai nước. Đầu tháng 2-1953, hai nước chính thức mở cửa khẩu Lào Cai- Hồ Kiều. Tháng 12-1953, Việt Nam tiếp tục mở các cửa khẩu Bát Xát, Thanh Thủy, Hoàng Mô. Với tinh thần giúp đỡ Việt Nam, Trung Quốc đã mua hầu hết những mặt hàng Việt Nam có thể xuất khẩu và đáp ứng khá tốt những mặt hàng Việt Nam cần, giúp Việt Nam vượt qua khó khăn do bao vây kinh tế của Pháp, ổn định đời sống nhân dân.

2.2. Quan hệ Việt-Trung năm 1954

2.2.1. Thể hiện trong chiến dịch Điện Biên Phủ

Cuối năm 1953, nhằm tạo ra bước ngoặt quan trọng trong cục diện cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng Lao động Việt Nam quyết định tiến hành trận quyết chiến chiến lược với Pháp ở Điện Biên Phủ. Ủng hộ trong quyết định này của Việt Nam, Trung Quốc đẩy mạnh viện trợ quân sự và các hỗ trợ khác cho Việt Nam, trên tinh thần “đốc toàn lực chi viện, chiến

2007), p.209. Dẫn theo Hồ Khang, tldđ.

¹ La Quý Ba sau này cho biết Trần Canh là vị tướng do đích thân Hồ Chí Minh đề nghị với Mao Trạch Đông cử sang Việt Nam từ đầu tháng 7-1950 để cùng phía Việt Nam tiến hành chiến dịch Biên giới.

² Đó là các chiến dịch Biên giới, Trung du, Đường 18, Hà – Nam – Ninh, Tây Bắc, Thượng Lào, Điện Biên Phủ.

³ Trần Trọng Trung: “Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp” (phần II), Báo Quân đội nhân dân, ngày 3-5-2009.

trường cần thứ gì, cần bao nhiêu, đều cố gắng cung cấp”¹, nhanh chóng gửi đến Việt Nam “200 ô tô, hơn 10.000 thùng dầu, hơn 3000 khẩu súng các loại, 2.400.000 viên đạn, hơn 100 khẩu pháo các loại, hơn 60.000 viên đạn pháo và đạn hỏa tiễn, 1.700 tấn lương thực”. Trong những ngày cuối chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung Quốc giúp trang bị cho một tiểu đoàn ĐKZ 75mm và 12 dàn hỏa tiễn (Cachiusa) 6 nòng (vốn của Liên Xô). Tính chung từ năm 1951 đến năm 1954, Trung Quốc đã viện trợ cho Việt Nam tổng số 32.435 tấn hàng quân sự, trong đó 8.804 tấn gạo. Chỉ riêng lương thực, thực phẩm, khối lượng viện trợ không ngừng tăng qua các năm: 120 tấn (năm 1950), 776 tấn (năm 1951), 610 tấn (năm 1952), 1.516 tấn (1953), 1.772 tấn (năm 1954). Cùng với viện trợ quân sự, Trung Quốc cũng đẩy mạnh công tác huấn luyện cho bộ đội Việt Nam. Sau sáu tháng được huấn luyện ở Mông Tự (Vân Nam) và Tân Dương (Quảng Tây), lại được Trung Quốc trang bị toàn bộ vũ khí của Liên Xô, Trung đoàn pháo binh 45 và Trung đoàn pháo cao xạ 367 trở về nước tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ². Khi Việt Nam chuẩn bị tiến hành chiến dịch Điện Biên Phủ, các lãnh đạo và một số cán bộ cốt cán của Đoàn Cố vấn quân sự Trung Quốc (Vi Quốc Thanh, Mai Gia Sinh,...) đã tích cực cùng với các tướng lĩnh Việt Nam khảo sát, lên kế hoạch và chuẩn bị chiến trường. Về phương án tác chiến, ban đầu các cố vấn Trung Quốc đề xuất phương án “đánh nhanh, thắng nhanh”.

Tuy nhiên trên cơ sở nghiên cứu, phân tích kỹ tình hình thực tế và trao đổi với các cố vấn Trung Quốc, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã quyết định thay đổi phương án trên bằng phương án “đánh chắc, tiến chắc”, bố trí lại trận địa, đặt lại các trọng pháo và phát triển hệ thống địa đạo bí mật tiến gần hơn tới các cứ điểm địch,... Các cố vấn Trung Quốc đã hoàn toàn ủng hộ thay đổi phương án tác chiến và “đều bày tỏ quyết tâm đồng cam cộng khổ, đem hết trí tuệ và năng lực giúp bộ đội Việt Nam giành toàn thắng”³. Nhờ mối quan hệ tốt với Nhà nước cách mạng Trung Quốc, Việt Nam đã nhận được sự giúp đỡ toàn diện và tối đa của Trung Quốc (vũ khí, khí tài, lương thực, nhu yếu phẩm; cố vấn quân sự; đào tạo, huấn luyện cán bộ quân sự; buôn bán trao đổi hàng hóa,...), góp phần vô cùng quan trọng đưa đến những thắng lợi to lớn trên chiến trường, trong đó có thắng lợi của chiến dịch lớn nhất: Chiến dịch Điện Biên Phủ.

2.2.2. Thể hiện trong diễn biến Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương

Từ cuối năm 1953, cùng với chủ trương mở các cuộc tiến công chiến lược trong Đông - Xuân (1953 - 1954), Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngoại giao nhằm nhanh chóng đi tới chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình. Đầu năm 1954, khi chiến tranh lạnh đã đến đỉnh cao thì giữa các nước lớn lại xuất hiện xu thế hoà hoãn. Sau một quá trình thương lượng khó khăn, Hội nghị ngoại trưởng 4 nước lớn Liên Xô,

¹ *Đại thắng Điện Biên Phủ và Đoàn Cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam*, Báo Quân đội nhân dân, 1-5-2009.

² Hoàng Minh Phương: *Hồi ức chiến dịch Điện Biên Phủ*, tham luận tại hội thảo khoa học “Kỷ niệm 50 năm chiến dịch Điện Biên Phủ và Hội nghị Geneve”, Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc, 2004, tr.4.

³ Võ Nguyên Giáp: *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, tr 136.

Mĩ, Anh, Pháp ở Beclin từ ngày 25/1/1954 đến ngày 18/2/1954 đã quyết định triệu tập một hội nghị quốc tế ở Gionevơ để bàn về vấn đề Triều Tiên và việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương, với sự tham gia của Trung Quốc và một số nước hữu quan. Ngày ngày 8/5, chỉ một ngày sau khi Việt Nam đánh bại Pháp hoàn toàn tại Điện Biên Phủ, Hội nghị Gionevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được tiến hành. Tham dự Hội nghị gồm 9 đoàn của 5 nước lớn (Mĩ, Anh, Pháp, Liên Xô và CHND Trung Hoa) và 4 bên khác được gọi là các chính phủ hữu quan (Việt Nam DCCCH và ba chính quyền "liên kết" với Pháp ở Lào, Việt Nam và Campuchia). Được tham gia Hội nghị, Trung Quốc hy vọng có thể củng cố vị thế của mình, tạo lợi thế trong cải thiện quan hệ với phương Tây.

Trong khi cuộc đấu tranh ở Hội nghị Gionevơ về lập lại hòa bình ở Đông Dương diễn ra gay gắt, thì từ ngày 3 đến 5/7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Trung Quốc để gặp Thủ tướng Chu Ân Lai tại Liễu Châu. Tại cuộc gặp này, hai bên trao đổi ý kiến về những vấn đề trong giải pháp kết thúc chiến tranh ở Đông Dương, nhất là vấn đề phân vùng tập kết, giới tuyến quân sự tạm thời giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam. Đêm 20, rạng ngày 21/7/1954, Hiệp định Gionevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương được ký kết. Nghị quyết của BCT Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (9/1954) nhận định: Hội nghị Gionevơ đã đi đến thoả thuận lập lại hoà bình ở Đông Dương, với các hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Ba mươi tư năm sau, Thường vụ Đảng uỷ quân sự Trung ương (11/1988) đánh giá: Với Hiệp định Gionevơ 1954, tuy Việt Nam chưa hoàn thành mục tiêu giải phóng cả nước, nhưng đã đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng: Đánh bại đế quốc Pháp, giải phóng miền Bắc. Đây là một thắng lợi vĩ đại, mở đầu quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới. Thắng lợi của Việt Nam tại Hội nghị Gionevơ có cơ sở thực tiễn từ thắng lợi quân sự trên chiến trường, đặc biệt thắng của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, kết hợp với sự ủng hộ tích cực của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ tiến bộ.

3. KẾT LUẬN

Cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam là một cuộc chiến lâu dài và gian khổ, cuối cùng đã giành được thắng lợi vô cùng quan trọng, mặc dù chưa trọn vẹn. Trong kháng chiến đó, Việt Nam đã phải hy sinh tất cả để đạt mục tiêu đấu tranh. Tuy nhiên, trên chặng đường đầy thử thách đó, dựa vào nền tảng chính nghĩa của cuộc kháng chiến, Việt Nam đã không đơn độc. Việt Nam nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ từ các nước XHCN và dân chủ, đặc biệt là từ Trung Quốc. Tuy không phải là “yếu tố quyết định” song viện trợ và giúp đỡ mọi mặt của Trung Quốc đã làm gia tăng đáng kể sức mạnh nội lực cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam. Qiang Zhai, một người gốc Trung Quốc, là Giáo sư sử học thuộc Auburn University Montgomery, Hoa Kỳ nhận xét về việc Trung Quốc giúp Việt Nam trong chiến tranh Đông Dương xuất phát từ ba lý do chính¹: *Thứ nhất*, Đông Dương là một trong ba mặt trận, cùng với Triều Tiên và Đài Loan, mà Bắc Kinh xem là dễ bị nước ngoài can thiệp. *Thứ hai*, nghĩa vụ giúp đỡ một nước Cộng sản anh em khiến Bắc Kinh không từ chối yêu cầu từ

¹ Cố vấn Trung Quốc ở Việt Nam (1950-1952)

phía Việt Nam. *Thứ ba*, sự can dự của Bắc Kinh ở Đông Dương cần được nhìn theo quan hệ truyền thống giữa Trung Quốc và láng giềng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Archimedes Patti (1995), *Tại sao Việt Nam?*, Nxb. Đà Nẵng.
2. Bộ Ngoại giao (1979), *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua*, Sách trắng, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
3. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp Thắng lợi và bài học*, Nxb. CTQG, Hà Nội.
4. Bộ Quốc phòng (1994), Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.1, t4.
5. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự: *Lịch sử hậu cần kỹ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2004.
6. Báo Quân đội nhân dân (2009), *Đại thắng Điện Biên Phủ và Đoàn Cố vấn Trung Quốc tại Việt Nam*, đăng ngày 1 tháng 5 năm 2009.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), Văn kiện Đảng toàn tập, tập 11, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Francois Joyaux (1981), *Trung Quốc và việc giải quyết cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội.
9. Hăng-ri Na-va (H. Navarre) (1994), *Thời điểm của những sự thật*, Nxb. Công an Nhân dân, Viện lịch sử quân sự Việt Nam.
10. Hồ Khang (2014), “Trung Quốc giúp đỡ Việt Nam về quân sự trong những năm 1950-1954”, trong Kỷ yếu *Hội thảo kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (1954-2014)*.
11. Lý Kiện (Chủ biên) (2008), *Trung - Xô - Mỹ cuộc đối đầu lịch sử*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
12. Tân Tử Lăng (2009), *Mao Trạch Đông ngàn năm công tội*, Thông tấn xã Việt Nam, Hà Nội.
13. *Lịch sử Sư đoàn 308 Quân Tiên Phong* (1999), Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
14. Hồ Chí Minh (2000), Toàn tập, tập 6, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Võ Nguyên Giáp (2000), *Điện Biên Phủ - Điểm hẹn lịch sử*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
16. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, tập I, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

CHINA – VIETNAM RELATIONS (1949-1954)

Abstract: China and Vietnam have always been one of the important and leading international relations in the Vietnamese history. In the period of 1949-1954, China – Vietnam relations was considered as the beginning of modern time between the two countries. That period was marked by consecutive victories of Vietnamese people against the French colonists, ending their ambition to re-domination in Vietnam. As well, the establishment of the People's Republic of China brought a new turning point and changed

strongly to their country. During the war against the invasion of French, Vietnam had received the support from China. Its help aimed to increase Vietnam's internal strength to against the French. Obviously, the aid from China was not their kindness, but it was the strategic aim that impacted on the cause of struggle for independence in Vietnam.

Keywords: *The People's Republic of China, China - Vietnam relations, Ho Chi Minh, Mao Zedong, Chinese counsellor, Chinese military aid, Geneva Agreement.*